

Số: /GPMT-UBND Đăk Lăk, ngày tháng năm 2023

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17/11/2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Quyết định số 1523/QĐ-UBND ngày 11/7/2022 của UBND tỉnh Đăk Lăk về việc ủy quyền cho Sở Tài nguyên và Môi trường tổ chức thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường; phương án cải tạo, phục hồi môi trường trong hoạt động khoáng sản và báo cáo đề nghị cấp giấy phép môi trường của các dự án đầu tư trên địa bàn tỉnh Đăk Lăk thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh;

Xét Văn bản số 114/CV-DL ngày 20/9/2023 của Công ty TNHH Đầu tư phát triển đô thị Đăk Lăk về việc đề nghị cấp giấy phép môi trường của Dự án “Hạ tầng kỹ thuật Khu đô thị dân cư Km 7, phường Tân An, thành phố Buôn Ma Thuột”;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 304/TTr-STNMT ngày 27 /9 /2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Cấp phép cho Công ty TNHH Đầu tư phát triển đô thị Đăk Lăk, địa chỉ tại km 7, đường Nguyễn Chí Thanh, phường Tân An, thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đăk Lăk được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của “Khu đô thị dân cư Km 7, phường Tân An, thành phố Buôn Ma Thuột” với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung của cơ sở:

1.1. Tên cơ sở: Khu đô thị dân cư Km 7, phường Tân An, thành phố Buôn Ma Thuột.

1.2. Địa điểm hoạt động: km 7, đường Nguyễn Chí Thanh, phường Tân An, thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đăk Lăk.

1.3. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên số: 6001616804 đăng ký lần đầu ngày 04/07/2018, đăng ký thay đổi lần thứ 15 ngày 28/04/2022 do Phòng đăng ký kinh doanh của Sở Kế hoạch và đầu tư tỉnh Đắk Lắk cấp.

1.4. Mã số thuế: 6001616804.

1.5. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: Khu đô thị, dân cư.

1.6. Phạm vi, quy mô, công suất của cơ sở:

- Dự án đầu tư nhóm II theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ.

- Phạm vi dự án: bao gồm các hạng mục hạ tầng kỹ thuật của Khu đô thị dân cư Km 7, phường Tân An, thành phố Buôn Ma Thuột theo Thông báo kết quả kiểm tra công tác nghiệm thu hạng mục công trình, công trình xây dựng số 2558/TB-SXD ngày 08/9/2020 của Sở Xây dựng.

- Quy mô: 8.310 người.

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo:

2.1. Được phép xả nước thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.3. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép này.

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Công ty TNHH Đầu tư phát triển đô thị Đắk Lắk.

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Công ty TNHH Đầu tư phát triển đô thị Đắk Lắk có trách nhiệm:

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả nước thải để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp giấy phép môi trường, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Xây dựng hoàn thiện đồng bộ các hạng mục của dự án tuân thủ theo

Quyết định số 3502/QĐ-UBND ngày 20/11/2019 của UBND tỉnh về việc chấp thuận đầu tư dự án Khu đô thị dân cư Km 7, phường Tân An, thành phố Buôn Ma Thuột.

2.6. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này, phải kịp thời báo cáo đến cơ quan cấp phép.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép: 10 năm, kể từ ngày cấp Giấy phép.

Điều 4. Giao Sở Tài nguyên và Môi trường, Phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố Buôn Ma Thuột tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với Khu đô thị dân cư Km 7, phường Tân An, thành phố Buôn Ma Thuột theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- Bộ Tài nguyên và Môi trường (để báo cáo);
- CT, PCT UBND tỉnh;
- Lãnh đạo VP UBND tỉnh;
- Sở Tài nguyên và Môi trường;
- UBND TP. Buôn Ma Thuột;
- Trung tâm Phục vụ HCC tỉnh (để biết);
- TTCN và Công TTĐT tỉnh (để đăng tải);
- Công ty TNHH Đầu tư phát triển đô thị Đắc Lắc (Đ/c: km 7, đường Nguyễn Chí Thanh, phường Tân An, TP. Buôn Ma Thuột);
- Lưu: VT, NNMT (H. 06b)

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Nguyễn Thiên Văn

Phụ lục 1
NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC
VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM,
XỬ LÝ NƯỚC THẢI

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-UBND ngày tháng năm 2023
của UBND tỉnh Đắk Lắk)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI:

1. Nguồn phát sinh nước thải:

- Nguồn thải 01: Nước thải từ các khu nhà ở.
- Nguồn thải 02: Nước thải sinh hoạt từ các khu thương mại - dịch vụ, công cộng.

2. Dòng nước thải xả vào nguồn nước tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả nước thải:

2.1. Nguồn tiếp nhận nước thải: hệ thống thoát nước mưa chung của thành phố Buôn Ma Thuột.

2.2. Vị trí xả nước thải:

- Vị trí đầu nối tại hố ga thu nước mưa ký hiệu 158P trên đường Nguyễn Chí Thanh thuộc hệ thống thoát nước mưa của thành phố Buôn Ma Thuột .

- Tọa độ vị trí xả nước thải (theo hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trực $108^{\circ}30'$, múi chiếu 3°): X: 454858; Y: 1406197.

2.3. Lưu lượng xả nước thải lớn nhất: $1.700 \text{ m}^3/\text{ngày đêm}$, tương đương $70,8 \text{ m}^3/\text{giờ}$.

2.3.1. Phương thức xả nước thải: Bơm, tự chảy.

2.3.2. Chế độ xả nước thải: Liên tục (24 giờ)

2.3.3. Chất lượng nước thải trước khi xả vào nguồn nước tiếp nhận phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật môi trường đối với nước thải (QCVN 14:2008/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt, cột A, K = 1,0), cụ thể như sau:

TT	Thông số	Đơn vị	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
1	pH	-	5 – 9	Thuộc đối tượng phải thực hiện quan trắc định kỳ (theo quy	Thuộc đối tượng phải thực hiện quan trắc tự động, liên tục (theo quy
2	BOD ₅ (20 ⁰ C)	mg/l	30		
3	TSS	mg/l	50		
4	Tổng chất rắn hòa tan	mg/l	500		
5	Sunfua (H ₂ S)	mg/l	1		
6	Amonia (tính theo N)	mg/l	5		

7	Nitrat (NO_3^-)	mg/l	30	định tại điểm a, khoản 2 Điều 97 Nghị định số 08/2022/NĐ- CP) Tần suất 3 tháng/lần	định tại điểm a, khoản 2 Điều 97 Nghị định số 08/2022/NĐ- CP)
8	Phosphat (PO_4^{3-})	mg/l	6		
9	Dầu mỡ động, thực vật	mg/l	10		
10	Tổng các chất hoạt động bề mặt	mg/l	5		
11	Tổng Coliforms	MPN/ 100 ml	3.000		

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI:

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải:

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải:

- Hệ thống thu gom nước thải được xây dựng ngầm dọc theo các công trình và tách biệt với hệ thống thu gom nước mưa.

- Nước thải sinh hoạt từ các khu nhà ở, khu thương mại - dịch vụ, công cộng được xử lý sơ bộ bằng bể tự hoại 3 ngăn dẫn về hố ga sau đó chảy về hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 1.700 m³/ngày.đêm.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải:

1.2.1. Bể tự hoại

- Tóm tắt quy trình xử lý: Nước thải từ các khu nhà ở, khu thương mại - dịch vụ, công cộng → Bể tự hoại → Hố ga → Hệ thống xử lý nước thải tập trung.

- Thông số kỹ thuật: gồm 1103 bể, kích thước bể 2,6m x 1,4m x 2,6m (9,464 m³/bể).

1.2.2. Hệ thống xử lý nước thải tập trung

- Tóm tắt quy trình công nghệ:

Nước thải sinh hoạt → Bể tự hoại → Hố ga thu gom nước thải → Hồ bơm nước thải → Bể điều hòa → Bể sinh học thiếu khí → Bể sinh học hiếu khí 1 → Bể sinh học hiếu khí 2 (MBBR) → Bể trung gian → Bể lắng SPS → Bể khử trùng → Bình lọc áp lực → Bể chung chuyển (nước thải sau khi xử lý đạt QCVN 14:2008/BTNMT, Cột A) → Sử dụng bơm để bơm nước thải sau xử lý về hồ điều hòa; đạt ngưỡng tràn của bể chung chuyển, nước thải sau xử lý sẽ tự chảy ra nguồn tiếp nhận là hố ga nước mưa ký hiệu 158P trên đường Nguyễn Chí Thanh (Công văn thỏa thuận vị trí đầu nối số 514/UBND-QLĐT ngày 08/02/2018 của UBND thành phố Buôn Ma Thuột).

- Công suất thiết kế: 1.700 m³/ngày đêm.

- Hóa chất sử dụng: NaOH, NaHCO₃, Ca(OCL)₂.

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục: thuộc đối tượng phải lắp đặt quan trắc tự động, liên tục.

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

- Thường xuyên kiểm tra, định kỳ thay thế thiết bị để đảm bảo hệ thống xử lý nước thải vận hành hiệu quả.

- Trường hợp hệ thống xử lý nước thải bị sự cố sẽ dừng hoạt động xả thải ra nguồn tiếp nhận và lưu chứa nước thải tại bể điều hòa và bể thu gom để xử lý, khắc phục sự cố.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:

2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm: 06 tháng kể từ ngày bắt đầu vận hành thử nghiệm công trình xử lý nước thải của cơ sở.

2.2. Công trình, thiết bị xả nước thải phải vận hành thử nghiệm: Hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 1.700 m³/ngày.đêm.

2.2.1. Vị trí lấy mẫu:

- 01 vị trí tại đầu vào của hệ thống xử lý nước thải.
- 01 vị trí tại đầu ra của hệ thống xử lý nước thải.

2.2.2. Chất ô nhiễm và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm (theo nội dung được cấp phép tại phần A phụ lục này):

Chủ cơ sở phải giám sát các thông số ô nhiễm của nước thải và đánh giá hiệu quả xử lý của hệ thống xử lý nước thải theo giá trị giới hạn cho phép quy định tại mục 2.3.3 phần A của phụ lục này.

2.3. Tần suất lấy mẫu:

Thực hiện quan trắc trong quá trình vận hành thử nghiệm hệ thống xử lý nước thải theo quy định tại khoản 5 Điều 21 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT, cụ thể như sau: Việc quan trắc chất thải do chủ cơ sở tự quyết định nhưng phải đảm bảo quan trắc ít nhất 03 mẫu đơn trong 03 ngày liên tiếp của giai đoạn vận hành ổn định công trình xử lý nước thải của cơ sở.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

3.1. Thu gom, xử lý nước thải phát sinh từ hoạt động của cơ sở bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Phần A Phụ lục này trước khi xả thải vào nguồn tiếp nhận.

3.2. Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thiết bị, hóa chất để thường xuyên vận hành hiệu quả hệ thống, công trình thu gom, xử lý nước thải của cơ sở.

3.3. Có Sổ nhật ký vận hành, ghi chép đầy đủ thông tin của quá trình vận hành công trình xử lý nước thải.

3.4. Công ty TNHH Đầu tư phát triển đô thị Đắc Lắc chịu hoàn toàn trách nhiệm khi xả nước thải không đảm bảo các yêu cầu của Giấy phép này ra môi trường.

Phụ lục 2
YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI,
PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG
(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-UBND ngày tháng năm 2023
của UBND tỉnh Đắk Lắk)

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI

1. Chủng loại, khối lượng chất thải phát sinh:

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên

TT	Tên chất thải	Mã CTNH	Khối lượng phát sinh (kg/năm)
1	Dầu động cơ, hộp số và bôi trơn tổng hợp thải	17 02 03	20
2	Bao bì kim loại cứng (đã chứa chất khi thải ra là CTNH hoặc chứa áp suất chưa bảo đảm rỗng hoặc có lớp lót rắn nguy hại như amiang thải)	18 01 02	260,25
3	Các thiết bị, linh kiện điện tử thải hoặc các thiết bị điện (khác với các loại nêu tại mã 16 01 06, 16 01 07, 16 01 12) có các linh kiện điện tử (trừ bản mạch điện tử không chứa các chi tiết có các thành phần nguy hại vượt ngưỡng nguy hại)	16 01 13	262,95
4	Bóng đèn huỳnh quang và các loại thủy tinh hoạt tính thải	16 01 06	87,65
5	Pin, ắc quy thải	16 01 12	175,3
Tổng cộng:			806,15

1.2. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh:

Chất thải rắn sinh hoạt phát sinh từ hoạt động sinh hoạt của người dân và từ các khu thương mại, dịch vụ, công cộng bao gồm chất thải không có khả năng tái sử dụng, tái chế (thức ăn thừa, lá cây, rau, củ, quả...) và chất thải có khả năng tái sử dụng, tái chế (bao bì ni lông, hộp nhựa, vỏ chai, bìa carton...). Tổng khối lượng phát sinh khoảng 2839,2 kg/ngày.

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại:

2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại:

2.1.1. Thiết bị lưu chứa:

Bố trí các thùng nhựa có dung tích 120 lít có nắp đậy, có dán nhãn và dấu hiệu cảnh báo.

2.1.2. Kho lưu chứa:

- Diện tích kho lưu chứa: 9,89 m²
- Thiết kế, cấu tạo của kho: Tường xây gạch, trát vữa, quét sơn; nền lát gạch Ceramic chống thấm; mái lợp tôn.

2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt:

2.2.1. Thiết bị lưu chứa:

Bố trí các thùng nhựa có dung tích 120 lít, 240 lít có nắp đậy tại các khu nhà ở, thương mại, dịch vụ, công cộng.

2.2.2. Kho lưu chứa:

- Diện tích kho lưu chứa: 52,51 m²
- Thiết kế, cấu tạo của kho lưu chứa: Tường xây gạch, trát vữa, quét sơn; nền lát gạch Ceramic chống thấm; mái lợp tôn.

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

Có trách nhiệm ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường phù hợp với nội dung phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong Giấy phép môi trường này. Trường hợp kế hoạch ứng phó sự cố môi trường được lồng ghép, tích hợp và phê duyệt cùng với kế hoạch ứng phó sự cố khác theo quy định tại điểm b khoản 6 Điều 124 Luật Bảo vệ môi trường thì phải bảo đảm có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 2 Điều 108 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.

Phụ lục 3**CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-UBND ngày tháng năm 2023 của UBND tỉnh Đắk Lắk)

1. Quản lý tất cả các loại chất thải phát sinh trong quá trình hoạt động của Dự án, bảo đảm các yêu cầu về vệ sinh môi trường và theo đúng các quy định pháp luật về bảo vệ môi trường. Thực hiện phân định, phân loại các loại chất thải rắn sinh hoạt và chất thải nguy hại theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP, Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT. Khu vực lưu giữ chất thải nguy hại, chất thải rắn sinh hoạt phải luôn đảm bảo đáp ứng các quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT. Định kỳ chuyển giao chất thải rắn sinh hoạt, chất thải nguy hại tại cơ sở cho đơn vị có chức năng theo quy định.
2. Thực hiện đầy đủ các nội dung đã cam kết tại Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường và chịu hoàn toàn trách nhiệm về tính xác thực của thông tin, số liệu nêu tại báo cáo đề xuất cấp phép.
3. Báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hằng năm, đột xuất; công khai thông tin môi trường và kế hoạch ứng phó sự cố môi trường theo quy định của pháp luật.
4. Trong quá trình thực hiện nếu cơ sở có những thay đổi so với Giấy phép môi trường đã được cấp, Chủ dự án phải có văn bản báo cáo cơ quan cấp phép để được kiểm tra và hướng dẫn.